

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny- Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 18/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn G, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn G, xã V, huyện P, Thái Bình

(Chị Y có mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình nhà anh H ở thôn G, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do khoảng 02 năm gần đây anh H thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, hay ghen tuông vô cớ. Đến khoảng tháng 10 năm 2020, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị Y đã đưa 02 con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện P sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Y trình bày, chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 25/02/2009 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/7/2012. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị không cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Đình H vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai và tại Phiên hòa giải, anh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như chị Hoàng Thị Y trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh ở thôn G, xã V, huyện P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, tháng 10 năm 2020 chị Y đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện P sinh sống. Nguyên nhân chị Y bỏ về do chị tiêu nhiều tiền, trong thời gian chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ thì anh có sang tìm chị Y về gia đình. Sau đó chị Y có quay về sinh sống cùng anh và các con được một thời gian thì chị lại bỏ về nhà mẹ đẻ, lần này anh không đi tìm chị về nữa. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh thấy vợ chồng cần còn tình cảm và muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nên anh không nhất trí ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 25/02/2009 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/7/2012. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh với anh Nguyễn Đình H1, sinh năm 1985 (là em ruột anh Nguyễn Đình H), địa chỉ: thôn G, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình, anh Hiệp xác nhận: Chị Hoàng Thị Y và anh Nguyễn Đình H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh H ở thôn G, xã V, huyện P. Quá trình chung sống, giữa chị Y và anh H có mâu thuẫn như thế nào anh không nắm rõ. Khoảng tháng 10 năm 2020 chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện P sinh sống. Trong thời gian chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ anh H cùng gia đình có sang nhà chị Y để tìm chị Y về. Sau đó chị Y có về chung sống với anh H được một thời gian thì lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã H sinh sống, lần này anh H và gia đình không đi tìm chị Y về nữa. Nay chị Y xin ly hôn H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị Y và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Bảo H đúng như chị Y, anh H trình bày. Ly hôn gia đình đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị Y được nuôi dưỡng vì anh H thường xuyên ốm đau, không có khả năng nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh không nắm rõ.

Tòa án tiến hành xác minh với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (là mẹ đẻ chị Hoàng Thị Y), địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Thái Bình, bà T xác nhận: Chị Y và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh H ở thôn G, xã V, huyện P. Quá trình chung sống, giữa chị Y, anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay uống rượu say sau đó về gây sự với chị Y, ngoài ra anh H còn ghen tuông vô cớ. Tháng 10/2020 chị Y đã đưa 02 con về nhà bà ở thôn Đ, xã H, huyện P sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh H bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Vợ chồng chị Y và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Bảo H đúng như chị Y, anh H trình bày. Ly hôn bà đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị Y được nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà không nắm rõ.

Tòa án xác minh với cơ sở thôn G, xã V, huyện P và thôn Đ, xã H, huyện P đều thể hiện về việc kết hôn, quá trình chung sống và thời gian chị Y, anh H ly thân đúng như lời trình bày của chị Hoàng Thị Y, anh Nguyễn Đình H, anh Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị T. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh H cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Y, anh H

trình bày, ly hôn đề nghị Tòa án xem xét quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 25/02/2009 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/7/2012: cháu Linh và cháu Hiền đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Hoàng Thị Y.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị Y và anh Nguyễn Đình H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung của các đương sự, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Y, anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và

chung sống được khoảng 09 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ghen tuông vô cớ, hay uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù H có lên Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên hòa giải, anh H muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng trong các buổi làm việc tiếp đó thì anh H không có mặt để hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Điều này chứng tỏ anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh với gia đình 02 bên thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 25/02/2009 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/7/2012. Ly hôn chị Y xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị Y đang làm công nhân tại công ty giày da M có địa chỉ tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình với mức thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng. Hiện hai con chung đang ở cùng chị Y và có nguyện vọng được ở với chị Y nếu bố mẹ ly hôn. Tại bản tự khai anh H trình bày trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao con chung Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Bảo H cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. *Về con chung*: Xử giao chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 25/02/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 19/7/2012. Anh H không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Hoàng Thị Y và anh Nguyễn Đình không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Y nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Y đã nộp theo Biên lai thu số 0004679 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 4 năm 2021). Anh Nguyễn Đình H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Phụ;
- UBND xã V, H. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng

(*Đã ký*)